

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Năng lượng tái tạo (228105) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A305**

Mã nhận dạng: 002019

Trang : 1/3

Số SV có mặt: 41
Số bài thi: 41
Số tờ giấy thi: 41

Cán bộ coi thi 1 <i>Thị</i> Nguyễn Thị Đào	Cán bộ coi thi 2 <i>Ngân</i> Phan Kim Ngân	G.Viên chấm thi 1 <i>Thuy</i> Đỗ Quang Thuy	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần</i> Phạm Toàn Sinh
--	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C		1	<i>Tuấn</i>	7,0	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120180035	HUỖNH HOÀNG ANH	03/11/2002	CCQ2018B		1	<i>Hoàng</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120170073	NGUYỄN NGỌC BẢO	27/07/2002	CCQ2018C		1	<i>Bảo</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C		1	<i>Bảo</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120170042	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	12/07/2001	CCQ2018C		1	<i>Chiến</i>	6,5	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180079	HUỖNH HỮU CƯỜNG	24/07/2002	CCQ2018C		1	<i>Cường</i>	7,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120180078	NGÔ ĐỨC CƯỜNG	23/09/1998	CCQ2018C		1	<i>Cường</i>	7,5	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120180037	NGUYỄN TRỌNG DINH	06/01/2002	CCQ2018B		1	<i>Dinh</i>	6,5	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C		1	<i>Dũng</i>	6,5	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120180038	ĐINH NHẬT TRƯỜNG DUY	15/05/2002	CCQ2018B		1	<i>Duy</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B		1	<i>Đạt</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180080	DƯƠNG HUỖNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C		1	<i>Đức</i>	6,5	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120170394	PHAN HUỖNH ĐỨC	30/11/2002	CCQ2018C		1	<i>Đức</i>	7,0	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120180042	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	17/02/2002	CCQ2018B		1	<i>Hải</i>	6,0	8,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120180095	TRƯƠNG LÝ TUẤN HẢI	11/09/2001	CCQ2018C		1	<i>Thầy</i>	6,0	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120180081	NGUYỄN MINH HIẾU	06/11/2001	CCQ2018C		1	<i>Hiếu</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120180044	TRẦN QUANG HIẾU	04/02/2002	CCQ2018B		1	<i>Hiếu</i>	7,5	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B		1	<i>Hòa</i>	7,5	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120180082	LÊ ĐÌNH HUY HOÀN	30/10/2001	CCQ2018C		1	<i>Huy</i>	6,5	8,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120180048	ĐINH VĂN HUY	12/10/2002	CCQ2018B		1	<i>Huy</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Năng lượng tái tạo (228105) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A305**

Mã nhận dạng: 002019

Trang : 2/3

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 41

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Thị Đan</i>	<i>Phan Kim Ngân</i>	<i>Khuyến</i> <i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Đỗ Minh</i> <i>Phạm Toàn Sinh</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C		1	<i>Long</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120180051	LÊ MINH LỢI	30/05/2002	CCQ2018B		1	<i>Lôi</i>	6,0	5,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B		1	<i>Luân</i>	7,5	8,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B		1	<i>Mạnh</i>	6,5	8,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120180092	LÊ HỒ QUANG	04/03/2002	CCQ2018C		1	<i>Quang</i>	6,5	7,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120180091	NGUYỄN THẾ NGHĨA	20/05/1999	CCQ2018C		1	<i>Nghĩa</i>	7,0	8,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180055	DÀ KRIÊNG HA	02/02/2002	CCQ2018B		1	<i>Ha</i>	7,5	4,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180093	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	13/08/2002	CCQ2018C		1	<i>Trọng</i>	6,5	4,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120180057	ĐINH THIÊN THIÊN	24/01/2002	CCQ2018B		1	<i>Thiên</i>	6,5	5,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180056	PHẠM ĐÌNH NHÂN	04/07/2002	CCQ2018B		1	<i>Nhân</i>	7,5	5,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120180060	LÊ VĂN SANG	19/05/2001	CCQ2018B		1	<i>Sang</i>	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120180061	NGUYỄN THẾ SƠN	11/11/1999	CCQ2018B		1	<i>Sơn</i>	7,5	9,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120180062	NGUYỄN NHỰT TÂM	27/10/2000	CCQ2018B		1	<i>Tâm</i>	5,0	5,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120180063	HUỲNH VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B		1	<i>Thích</i>	7,5	6,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120180064	HỒ HUY THỌ	20/11/2002	CCQ2018B		1	<i>Thọ</i>	7,0	4,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120170211	NGUYỄN VĂN TRỊ	02/10/2001	CCQ2018C		1	<i>Trị</i>	7,0	9,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120180065	NGUYỄN TẤN TRỌNG	03/10/2002	CCQ2018B		1	<i>Trọng</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120180066	NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN	09/11/2002	CCQ2018B				3,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120180067	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/02/1998	CCQ2018B		1	<i>Việt</i>	7,0	4,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120180068	NGUYỄN XUÂN VINH	26/05/2000	CCQ2018B				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Năng lượng tái tạo (228105) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A305**

Mã nhận dạng: 002019

Trang : 3/3

Số SV có mặt: **41**

Số bài thi: **41**

Số tờ giấy thi: **41**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Thị</i> Nguyễn Thị Đan	<i>Ngân</i> Đan Kim Ngân	<i>Thuy</i> Đo Quang Thuy	<i>Thanh</i> Phạm Toàn Sinh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120060054	ĐỖ HOÀNG ĐÌNH VŨ	14/12/2000	CCQ2018C		1	<i>Thị</i>	7,5	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2120180087	LÊ THANH VŨ	24/12/2002	CCQ2018C		1	<i>Thanh</i>	6,5	7,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC Ý	02/10/2000	CCQ2018B		1	<i>Thị</i>	6,5	6,0	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)